TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2021/DS-PT
Ngày: 18-03-2021
V/v tranh chấp quyền về lối đi qua.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp quyền lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2021/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trương Văn D, sinh năm: 1968;

2. Ông Trương Văn B, sinh năm; 1960;

3. Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm: 1969;

4. Bà Trần Thị R, sinh năm: 1965;

5. Anh Trương Trường D1, sinh năm: 1995;

Cùng địa chỉ: ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/02/2019). *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn MC, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1958; *(có mặt)*

2. Bà Bùi Thị S, sinh năm: 1962; *(có mặt)*

3. Chị Nguyễn Thị D2 , sinh năm: 1989;

4. Anh Nguyễn Thành T1, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Thành T1, chị Nguyễn Thị D2 : bà Bùi Thị S, sinh năm: 1962; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Huỳnh Minh T2, sinh năm 1991;

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963;

3. Bà Lê Thị Kim C1, sinh năm 1969;

4. Anh Trương Hoàng B1, sinh năm 1994;

5. Chị Triệu Thị Thúy H1, sinh năm 1996;

6. Bà Triệu Thị Bé H2, sinh năm 1963;

7. Chị Trương Thị Thảo E, sinh năm 1990;

8. Bà Bùi Thị T3, sinh năm 1970;

9. Chị Huỳnh Thị Yến N, sinh năm 1993;

10. Anh Trương Hoàng T4, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Anh T2 , bà N, bà C1, anh B1, chị H1, bà Bé H2, chị Thảo E, bà T3, chị N, anh T4 (có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/02/2019 và 3/3/2019).

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 07/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/11/2019 của các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R và anh Huỳnh Trường D1; trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Để đi ra lộ liên xã AT– AĐ, hộ gia đình của các nguyên đơn gồm: ông C, ông B, bà R, ông D và ông D1 phải đi từ phần đất của bà R qua lối đi tranh chấp thuộc một phần thửa 1513, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre hiện do ông T đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc lối đi này đã được hình thành trước năm 1975, năm 1992 thửa đất 1513 do ông Lê Phú T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lối đi là bờ mẫu có chiều rộng khoảng 02m, chiều dài khoảng 15m cũng là lối đi chung của 05 hộ gia đình nguyên đơn đến nay đã hơn 43 năm. Sau năm 1992, ông T5 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T nhưng phần lối đi ông T5 để lại cho nguyên đơn đi không có chuyển nhượng cho gia đình ông T có chiều ngang 02m tính từ mép mương trở vào. Sau khi chuyển nhượng, gia đình ông T trồng dừa làm hẹp lối đi và yêu cầu nguyên đơn bơm cát nâng lối đi phía trong bề ngang khoảng 01m giáp ranh với phần vách nhà ông T vào khoảng năm 2005. Nguyên đơn đã bơm cát và đi trên lối đi này đến tháng 11/2017, gia đình ông T đổi ý không cho đi trên lối đi phía trong mà buộc hộ gia đình các nguyên đơn phải đi cập mương có chiều ngang khoảng 01m, do lối đi hẹp và nằm sát mép mương nên việc đi lại, vận chuyển hàng hóa rất khó khăn. Đặc biệt ở đầu lối đi cập lộ liên xã, ông T tự cấm một trụ bê tông chắn đầu lối đi, cách mép lộ khoảng 02m gia đình ông T rào lưới B40 nên lối đi không còn là một đường thẳng mà gập khúc khó đi. Nhiều lần các nguyên đơn thương lượng với hộ gia đình ông T để nhượng lại giá trị lối đi trên phần lối đi cũ trước đây nhưng gia đình ông T không đồng ý.

Ngày 28/6/2018, các nguyên đơn có yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã AĐ hòa giải tranh chấp lối đi. Tại phiên hòa giải 07/8/2018, hộ gia đình ông T đồng ý cho mở lối đi có chiều ngang 01m, dài khoảng 15m, không cho làm đường bê tông kiên cố mà đỗ đal bên ngoài khiêng vào ráp lại trên lối đi và phía đầu lộ đi vòng vào phía trong nhưng đến ngày 09/8/2018, gia đình ông T rào lại lối đi gây khó khăn cho nguyên đơn.

Ngày 09/01/2019, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 mở lối đi có chiều ngang 1.5m, dài 15m, tổng diện tích 22.5m^2 thuộc một phần thửa

đất số 1153, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Các nguyên đơn đồng ý bồi thường 04 cây dừa cho bị đơn giá 6.000.000đồng và giá trị đất làm lối đi là 3.375.000đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị S trình bày:

Nguyên vào năm 1989, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Lê Phú T5 một thửa đất với diện tích 1149.6m^2 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện MCN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước đây các hộ của ông D, ông B, ông C, bà R và anh D1 cùng đi ra vào trên đất của ông Thái Văn H3 cùng ấp. Sau đó, ông H3 có yêu cầu các hộ trên cùng nhau bơm cát để mở đường ra vô cho tiện thì các hộ trên không đồng ý dẫn đến thưa kiện ra chính quyền ấp, xã. Tại cuộc hòa giải tranh chấp lối đi của các hộ trên và ông H3 không thành. Sau đó chính quyền ấp có vận động gia đình ông bà cho số hộ trên đi nhờ qua phần đất ông bà (khoảng năm 2011). Phía các nguyên đơn cho rằng ông Lê Phú T5 cho đi 1.5m là không đúng. Lúc này vì tình làng, nghĩa xóm nên ông bà cho đi với chiều ngang là 01m. Đến năm 2018, 05 hộ nêu trên buộc gia đình ông bà đốn 04 cây dừa để mở rộng lối đi, gia đình ông bà không đồng ý nên các hộ nêu trên khởi kiện. Đất thuộc quyền sử dụng của ông bà trong khi đó ông bà chỉ có mấy cây dừa để thu hoạch nếu đốn bỏ sẽ không có kinh tế. Hơn nữa, ông bà chăn nuôi, mỗi lần các hộ trên chạy xe máy qua lại gây tiếng ồn làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình ông bà rất nhiều. Riêng ông Huỳnh Tấn C mượn rượu chửi bới, cầm búa đe dọa gia đình ông bà.

Trước đây khi ông T5 bán đất cho ông bà thì ông T5 bán toàn bộ đất chứ không có chừa đường đi không có bán như phía các nguyên đơn trình bày. Trước khi ông bà cho các nguyên đơn đi nhờ qua lối đi này thì trước đó lối đi này không có. Sự việc này có Ủy ban nhân dân xã AĐ và những người cao tuổi biết làm chứng (đã nộp cho Tòa án).

Đất và cây trồng là của ông, bà được Nhà nước công nhận nên ông bà không đồng ý đốn dừa, không đồng ý nhận bồi thường của các nguyên đơn như phía nguyên đơn trình bày. Ông bà chỉ cho các nguyên đơn đi tạm trên lối đi này chứ không phải cho đi luôn và phía các nguyên đơn hoàn toàn không có bơm cát trên lối đi như các phía nguyên đơn trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 245, 246, 247, 248 và 254 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Phạm Thị R, anh Huỳnh Trương D1 về việc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 mở lối đi qua có chiều ngang 1.0m, cụ thể gồm: Thửa 80A, 84A và 77A, có diện tích là 21.3m^2 (có tứ cận như "Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất" được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN ký, đóng dấu ngày 30/5/2019), chiều cao lối đi không hạn chế. Đất tọa lạc tại ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Hiện trạng trên lối đi: là đất liền, có 01 cột điện (trụ bê tông cốt thép), tổng thể tích 0.072m^2 (kích thước 12cm x 12cm, cao 5m), tỷ lệ chất lượng còn lại 50%.

Về cột điện (trụ bê tông cốt thép), tổng thể tích 0.072m^3 (kích thước 12cm x 12cm, cao 5m), tỷ lệ chất lượng còn lại là 50%: các nguyên đơn cho rằng của mình, nếu có nhu cầu tự di dời hoặc nhờ cơ quan có thẩm quyền di dời nhưng không được ảnh hưởng đến phần đất còn lại của bị đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 đốn 01 cây dừa loại 1 (đầu ngoài giáp lộ bê tông liên xã AĐ – AT) do có phần gốc cây dừa nghiêng qua lối đi được mở.

Các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của chủ sử dụng đất có lối đi và tài sản trên đất (phần đất được chấp nhận mở lối đi như đã nêu trên). Đồng thời phải tuân thủ các điều kiện để đảm bảo quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất có lối đi đối với chủ sử dụng đất có lối đi mà các đương sự được sử dụng.

2/ Buộc các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 liên đới đền bù giá trị

đất và tài sản trên đất (cây dừa loại 1) cho ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 theo giá đã định giá, tổng cộng là: 8.520.000 đồng + 1.500.000 đồng = 10.020.000 đồng.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 về việc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 mở lối đi có chiều ngang 0.5m, cụ thể thửa 80B, diện tích 10.4m^2 (có tứ cận như " Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất" được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN ký, đóng dấu ngày 30/5/2019). Đất tọa lạc tại ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đo Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN thực hiện đo vẽ kèm theo – là một phần của bản án, không tách rời bản án).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2020, ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, mở lối đi ở vị trí khác, cặp bên chuồng chăn nuôi heo của ông. Vì mở lối đi theo như bản án sơ thẩm tuyên sẽ ảnh hưởng đến trại nuôi gà để lấy trứng của ông, gây thiệt hại về kinh tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn mở lối đi qua có chiều ngang 1.0m, có diện tích là 21.3m^2 theo "Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất" ngày 30/5/2019 là phù hợp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 khởi kiện yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 mở lối đi diện tích là 31.8m^2, tọa lạc ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre. Trong đó: Thửa 80A, diện tích 16.3m^2 và thửa 80B, diện tích 10.4m^2 do bị đơn đứng tên giấy chứng nhận; Thửa 77A, diện tích 0.8m^2 và thửa 77B, diện tích 0.1m^2 do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị R đứng tên giấy chứng nhận; Thửa 84A, diện tích 4.2m^2 do bà Lê Thị S1 đứng tên giấy chứng nhận (hiện do ông Thái Văn H3 canh tác). Qua quá trình hiệp thương ranh thì phía bà R, ông H3 thống nhất cắm trụ ranh thể hiện bằng biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 04/4/2019, đúng "Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất" được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN ký, đóng dấu ngày 30/5/2019. Đồng thời, khi được hỏi ý kiến thì bà R, ông H3 không tranh chấp gì về ranh đất với phía ông T, đồng ý kết quả hiệp thương ranh đã ký trong biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 04/4/2019. Bà S1 thừa nhận tuy đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đất đã chuyển nhượng cho ông H3 canh tác từ lâu, ranh do ông H3 chỉ, không tranh chấp quyền sử dụng đất. Do đó Tòa cấp sơ thẩm xác định phần diện tích đất 31.8m^2 nguyên đơn yêu cầu mở lối đi thuộc quyền sử dụng đất của phía bị đơn là phù hợp.

[2] Các nguyên đơn cho rằng, lối đi nguyên đơn yêu cầu mở đã hình thành trước năm 1975. Năm 1992, thửa đất 1513 do ông Lê Phú T5 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lối đi là bờ mẫu có chiều rộng khoảng 02m, chiều dài khoảng 15m cũng là lối đi chung của 05 hộ gia đình nguyên đơn đến nay đã hơn 43 năm. Sau năm 1992, ông T5 chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T nhưng chừa lối đi ngang 02m từ mí mương trở vào. Bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất do bị đơn nhận chuyển nhượng của ông Lê Phú T5 nhưng không có việc chừa đường đi như các nguyên đơn trình bày. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định thửa đất số 80 của ông T tiếp giáp thửa 84 do ông H3 canh tác và thửa 77 của bà R, hoàn toàn không có phần đất dùng làm lối đi công cộng hay lối đi chung. Do đó, có cơ sở xác định các nguyên đơn là chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra đường công cộng.

[3] Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng ngoài lối đi này, các nguyên đơn có thể yêu cầu mở lối đi qua các vị trí khác như đi lối đi cũ trước đây qua đất ông H3 hoặc đi ngược qua bên kia sông, đi trên đê dự phòng ra lộ hoặc đi phía sau nhà của bị đơn ra đường đi phía dưới nhà đến đường lộ (các nguyên đơn tự tôn tạo, làm đường đi). Tuy nhiên, qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ lối đi bị đơn cho rằng trước đây các nguyên đơn đi trên đất của ông H3 hiện nay không có trên thực tế, từ đất của ông C qua đất của ông H3 cách 01 mương ngang khoảng 02m nên không thể đi được.

Đối với lối đi bị đơn cho rằng các nguyên đơn có thể đi ngược vào trong, bên kia sông có đê dự phòng có thể ra đường bê tông (phía gần cầu liên xã AĐ - AT) là không khả thi vì theo cung cấp thông tin của Ủy ban nhân dân xã AĐ tại công vẫn số 430/BC-UBND ngày 05/6/2020 thì tuyến đê đất do nhà nước vận động nhân dân hiến, mục đích chống triều cường và ngăn mặn. Trên thực tế, qua xem xét, thẩm định tại chỗ, tuyến đê này các hộ lân cận trồng cỏ cho gia súc ăn nên rất hẹp và khó di chuyển, không có khả năng mở lối đi.

Đối với lối đi các nguyên đơn yêu cầu mở. Xét thấy: phần đất thuộc quyền sử dụng của các nguyên đơn nằm phía trong đất của bị đơn. Trong đó, nhà và đất của bà R, ông C, ông B nằm phía sau đất của bị đơn; nhà và đất của ông D và anh D1 nằm bên kia sông, nối với đất của bà R bằng cầu bê tông, trên đất của bà R hiện có đường mòn sử dụng làm lối đi cho ông D, ông B và anh D1. Riêng ông C đi trên đất trước cửa nhà của bà R. Các lối đi này nối với phần đất đang yêu cầu mở lối đi trên đất của bị đơn. Do đó, có cơ sở xác định lối đi này là lối thuận tiện và hợp lý nhất cho phía các nguyên đơn. Bị đơn cho rằng mở lối đi ở vị trí trên sẽ làm ảnh hưởng đến việc chăn nuôi gà của bị đơn. Tuy nhiên, từ vị trí mở lối đi còn một khoảng đất trống (nếu từ hàng dừa 05 cây đo vào đến mí trại nuôi gà của bị đơn ngang khoảng 02m đến 2.4m. Bị đơn có xây dựng hàng rào bao quanh nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc chăn nuôi của bị đơn.

Bị đơn kháng cáo yêu cầu mở lối đi cặp phía chuồng chăn nuôi heo của bị đơn rồi đi ra phía sau nhà của bị đơn nhưng tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định lối đi này chưa tồn tại trên thực tế, hiện tại phía sau nhà bị đơn là 01 cái mương (chạy cập hàng rào lưới B40 của bị đơn), nên nếu mở lối đi trên mương thì các nguyên đơn phải lắp mương. Đồng thời đây là mương ranh với những hộ khác, nên xét việc mở lối đi trên là không khả thi và gây tốn kém nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Việc mở lối đi ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bị đơn nên Tòa cấp sơ thẩm buộc các nguyên đơn phải đền bù giá trị đất và tài

sản trên đất (cây dừa loại 1) cho bị đơn theo giá đã định giá, tổng cộng là: 8.520.000 đồng + 1.500.000 đồng = 10.020.000 đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; Do bị đơn ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2020/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện MCN:

Cụ thể tuyên:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 245, 246, 247, 248 và 254 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 về tranh chấp quyền về lối đi qua đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 mở lối đi cho các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1. Lối đi có chiều ngang 1.0m, cụ thể gồm: Thửa 80A, 84A và 77A, có diện tích là 21.3m^2 (có tứ cận như "Hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất" được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN ký, đóng dấu ngày 30/5/2019), chiều cao lối đi không hạn chế. Đất tọa lạc tại ấp PLT, xã AĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

Hiện trạng trên lối đi: là đất liền, có 01 cột điện (trụ bê tông cốt thép), tổng thể tích 0.072m^2 (kích thước 12cm x 12cm, cao 5m), tỷ lệ chất lượng còn lại 50%.

Về cột điện (trụ bê tông cốt thép), tổng thể tích 0.072m^3 (kích thước 12cm x 12cm, cao 5m), tỷ lệ chất lượng còn lại là 50%: các nguyên đơn cho rằng của mình, nếu có nhu cầu tự di dời hoặc nhờ cơ quan có thẩm quyền di dời nhưng không được ảnh hưởng đến phần đất còn lại của bị đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 đốn 01 cây dừa loại 1 (đầu ngoài giáp lộ bê tông liên xã AĐ – AT) do có phần gốc cây dừa nghiêng qua lối đi được mở.

Các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của chủ sử dụng đất có lối đi và tài sản trên đất (phần đất được chấp nhận mở lối đi như đã nêu trên). Đồng thời phải tuân thủ các điều kiện để đảm bảo quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất có lối đi đối với chủ sử dụng đất có lối đi mà các đương sự được sử dụng.

2/ Buộc các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 liên đới đền bù giá trị đất và tài sản trên đất (cây dừa loại 1) cho ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 theo giá đã định giá số tiền 10.020.000 đồng (mười triệu không trăm hai mươi ngàn đồng).

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

(Phần đất nêu trên được thể hiện trong Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Đội đo đạc thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện MCN thực hiện đo vẽ kèm theo – là một phần của bản án, không tách rời bản án).

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 mỗi người nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (yêu cầu mở lối đi qua bị bác) nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí: 300.000 đồng, nộp cùng ngày 09/5/2019, gồm Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002496 (do bà Nguyễn Thị R nộp), số 0002495 (do ông Trương Văn D nộp), số 0002494 (do ông Trương Văn B nộp), số 0002498 (do ông Huỳnh Tấn C nộp), số 0002497 (do anh Huỳnh Trường D1 nộp) của Chi cục thi hành án dân sự huyện MCN.

- Các nguyên đơn ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 liên đới nộp án phía dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 501.000 đồng (phần liên đới đền bù giá trị đất và tài sản trên đất cho bị đơn) nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí: 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00021921, 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện MCN, tỉnh Bến Tre, phải liên đới nộp thêm 201.000 đồng.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 phải liên đới nộp án phía dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000 đồng (phần buộc phải mở lối đi qua).

4/ Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận: Các nguyên đơn đã nộp: 2.275.000 đồng; Các bị đơn đã nộp: 174.000 đồng. Tổng cộng: 2.449.000 đồng. Mỗi bên chịu 1/2. Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị S, chị Nguyễn Thị D2 , anh Nguyễn Thành T1 liên đới hoàn trả cho ông Trương Văn D, ông Trương Văn B, ông Huỳnh Tấn C, bà Nguyễn Thị R, anh Huỳnh Trường D1 số tiền 1.050.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện MCN;
- Chi cục THADS huyện MCN;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng